

Bản án số: 296/2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi, đòi lại tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bình;

Ông Đỗ Trung Tín.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt Quang là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên
tòa:*** Ông Lâm Quốc Bảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2025/TLST- DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi, tranh chấp đòi lại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kim N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số D, đường T, phường H, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Kim N trình bày: Chị và chị T không có quan hệ họ hàng, chỉ quen biết nhau. Do chị làm chủ tiệm spa chăm sóc da nên chị T có ghé tiệm làm đẹp và quen biết nhau. Chị T có ghé tiệm làm da và có nợ chị số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, do chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ F, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh có tham gia góp hụi do chị T làm chủ hụi nhưng không có khả năng đóng hụi tiếp. Chị M đóng được 02 kỳ với số tiền 5.000.000 đồng (hụi 3.000.000 đồng/kỳ). Nhưng do chị M còn nợ tiền chị T, vì vậy, chị mua hụi của chị M nhưng chuyển tiền cho chị T từ số tài khoản của chị: 0181002665093,

9909909600 tại Ngân hàng V qua số tài khoản của chị T là 0944018017 tại Ngân hàng M1. Đến ngày 11/02/2025, chị chuyển thêm kỳ thứ 3 số tiền 2.500.000 đồng cho chị T. Chị cũng mua dây hui 5.000.000 đồng/kỳ, 03 kỳ số tiền 13.500.000 đồng cũng của chị M. Chị đóng 01 kỳ số tiền 4.500.000 đồng, tổng số tiền 18.000.000 đồng cũng thông qua hai số tài khoản nêu trên. Chị T hẹn đến ngày 24/02/2025 chị được hốt hui nhưng chị T không đăng hui cho chị và cố tình trốn tránh, cắt liên lạc với chị. Hiện chị T nợ chị tổng số tiền là 35.500.000 đồng. Khi mua hui thì chị không có gặp trực tiếp chị M, tuy nhiên sau khi sự việc chị T không trả tiền cho chị thì chị có gặp chị M. Sau đó, chị có nhắn tin zalo với chị T vào ngày 03/3/2025, chị T có gửi chị tin nhắn thoại nội dung thừa nhận có nợ chị tổng số tiền 35.500.000 đồng và hứa trả trong vòng 01 tháng, đến ngày 30/3/2025 sẽ trả hết nợ cho chị. Từ ngày xác nhận nợ đến nay thì chị T không có trả cho chị số tiền nào cả. Nay chị yêu cầu chị T trả số tiền nợ 35.500.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật, tính từ ngày 30/3/2025 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn chị Phan Thị Ngọc T đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi nhận lời khai của chị T.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh:*

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 26, 35, 39, 71, 72, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468, 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biếu, phưởng và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim N đối với chị Phan Thị Ngọc T về “Tranh chấp đòi lại tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hui”.

+ Buộc chị Phan Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị Ngọc T số tiền nợ, số tiền hui 35.500.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 30/3/2025 đến khi giải quyết xong vụ án.

- Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn chị Phan Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị T.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hội, đòi tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Chị N yêu cầu chị T trả số tiền nợ 35.500.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật, tính từ ngày 30/3/2025 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Thấy rằng:

Chứng cứ chị N giao nộp là nội dung tin nhắn thoại giữa chị N và chị T như sau: *“Ý là chị chốt là nợ N là 35.500.000 đồng là trong vòng cho chị một hết tháng này chị gửi cho N hết, mà nếu trong vòng 10 ngày, 15 ngày mà chị lấy tiền bên đây được thì chị trả chị N trước, còn không được thì cuối tháng chị gửi cho N thì ý là trong vòng tháng này là chị giải quyết cho N hết”*.

Ngoài ra Tòa án cũng tiến hành xác minh chị Nguyễn Thị M là người bán lại hội cho chị N cũng xác nhận biết việc chị N có tham gia góp hội do chị T làm chủ và hiện chị T còn nợ chị N số tiền 35.500.000 đồng.

Do đó, xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị N tổng số tiền nợ là 35.500.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi suất của chị T thấy rằng:

Vào ngày 03/3/2025, giữa chị N và chị T có nhắn tin chốt nợ với nhau theo đó, chị T hứa sẽ trả cho chị N hạn cuối đến ngày 30/3/2025 là xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã hứa. Nay chị N yêu cầu chị T phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là có cơ sở chấp nhận. Mức lãi suất được tính là 10%/năm. Vậy tiền lãi là $35.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 06 \text{ tháng} = 1.775.000 \text{ đồng}$.

Vậy tổng gốc và tiền lãi là $35.500.000 \text{ đồng} + 1.775.000 \text{ đồng} = 37.275.000 \text{ đồng}$.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị T phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của chị N được Tòa án chấp nhận là: $37.275.000 \text{ đồng} \times 05\% = 1.863.750 \text{ đồng}$ (làm tròn 1.864.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 166, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim N “Tranh chấp hợp đồng góp hội, đòi tài sản” đối với chị Phan Thị Ngọc T.

Buộc chị Phan Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Kim N số tiền 37.275.000 (Ba mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị Ngọc T phải chịu 1.864.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Chị N tiền tạm ứng án phí 950.000 (Chín trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012787 ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, tỉnh Tây Ninh).

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 -Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm